TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2025
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Tân.

Ông Lê Hoàng Điệt.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là thư ký Tòa án nhân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý– Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2025 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Thị S; sinh ngày: 01/01/1983; CCCD: 094183003504.

Địa chỉ: Số A, đường D, Khóm N, Phường P, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Đà R; sinh năm: 1985; CMND: 365601959

Địa chỉ: Ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 5 năm 2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị S và ông Huỳnh Đà R biết quen chung sống với nhau vào đầu năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay Uỷ ban nhân dân phường

phú Lợi, thành phố Cần Thơ) vào ngày 20/11/2007. Hôn nhân của ông bà được xây dựng trên cơ cở tự nguyên, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Nay bà S nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà S yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông Huỳnh Đà R.

Về con chung: Bà Châu Thị S tự khai trong thời gian chung sống với ông Huỳnh Đà R thì ông bà có 02 (hai) người con chung Huỳnh N, sinh ngày 02/11/2007 và Huỳnh Thị Niềla C, sinh ngày 22/10/2013. Sau khi ly hôn bà S yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Huỳnh N, sinh ngày 02/11/2007 và Huỳnh Thị Niềla C, sinh ngày 22/10/2013 cho đến khi các con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S không yêu cầu ông Huỳnh Đà R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Châu Thị S tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Đà R: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn Châu Thị S tại Thông báo thụ lý vụ án số: 182/TB-TLVA, ngày 26 tháng 6 năm 2025 và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Huỳnh Đà R, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông Huỳnh Đà R đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Huỳnh Đà R đều không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Sau đó, Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Huỳnh Đà R nhưng ông Huỳnh Đà R không gửi văn bản ghi ý kiến của ông Huỳnh Đà R đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Châu Thị S.

Tại biên bản ghi ý kiến nguyện vọng của con chưa thành niên lập ngày 15 tháng 7 năm 2025, cháu Huỳnh N, sinh ngày 02/11/2007 và Huỳnh Thị Niềla C, sinh ngày 22/10/2013 trình bày: Hiện nay cháu N đang sống cùng bà ngoại, cháu N đã có công việc làm ổn định nuôi sống bản thân, nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyên vọng được sống cùng với mẹ là bà Châu Thị S. Còn cháu Huỳnh Thị Niềla C hiện nay đang sống cùng với cha là ông Huỳnh Đà R và cháu có nguyện vọng tiếp tục được sống cùng với cha là ông Huỳnh Đà R.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S, về việc bà S yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Đà R đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo nguyện vọng của các chung là tiếp tục giao cháu N cho chị Song trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Huỳnh Thị Niềla C cho ông Huỳnh Đà R trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N, cháu C đủ 18 (mười tám) tuổi và ông R, bà S không cấp dưỡng nuôi con. Còn về tài sản chung, nợ chung bà S tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn bà Châu Thị S vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Huỳnh Đà R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng cả hai lần đều vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Châu Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa bà và ông Huỳnh Đà R. Bị đơn ông Huỳnh Đà R có nơi cư trú ấp B, xã P, huyện M (nay Ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025. Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Toà án nhân dân khu vực 6-Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị S và ông Huỳnh Đà R xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đủ điều kiện kết hôn. Do đó, việc bà Châu Thị S và ông Huỳnh Đà R tiến đến hôn nhân và được Uỷ ban nhân dân phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay Uỷ ban nhân dân phường phú Lợi, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn

vào ngày 20 tháng 11 năm 2007 là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật cho nên được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này.

Trong quá trình chung sống theo bà S trình bày do vợ chồng tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, ông bà thường xuyên cãi vã. Bà S và ông R đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau như vợ chồng, ông bà đều có công việc riêng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà Châu Thị S vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Huỳnh Đà R.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Đối chiếu với quan hệ hôn nhân giữa bà Châu Thị S và ông Huỳnh Đà R thì hiện nay, ông bà đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng thực trạng mâu thuẫn giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau như vợ chồng, ông bà không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Châu Thị S.

[3.2] Về con chung: Xét yêu cầu của bà Châu Thị S yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung tên Huỳnh N, sinh ngày 02/11/2007 và Huỳnh Thị Niềla C, sinh ngày 22/10/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 (mười tám) tuổi. Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Nhận thấy, từ khi bà S và ông R sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay thì cháu N sống cùng bà ngoại, cháu C sống cùng cha là ông Huỳnh Đà R về tâm lý phát triển bình thường, cuộc sống ổn định. Đồng thời, tại biên bản ghi ý kiến các con chung thì cháu N yêu cầu được sống cùng bà ngoại và mẹ là bà Châu Thị S. Cháu C thì có nguyện vọng tiếp tục sống cùng cha là ông Huỳnh Đà R.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng nhằm để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, ổn định cuộc sống cũng như tâm sinh lý của cháu N và cháu C nên việc giao cháu N cho bà Châu Thị S, giao cháu C cho ông Huỳnh Đà R trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Huỳnh N, sinh ngày 02/11/2007 cho bà Châu Thị S, giao cháu Huỳnh Thị Niềla C, sinh ngày 22/10/2013 cho ông Huỳnh Đà R tiếp tục trực

tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 (mười tám) tuổi, bà Châu Thị S, ông Huỳnh Đà R được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở bà Châu Thị S, ông Huỳnh Đà R thực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Đáng lẽ ra, người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà S và ông R không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Châu Thị S tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Châu Thị S tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên như đã nhận định nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Châu Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, Đối thoại tại Toà án ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị S được ly hôn với ông Huỳnh Đà R.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung tên Huỳnh N, sinh ngày 02/11/2007 cho bà Châu Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Huỳnh N đủ 18 (mười tám) tuổi. Giao con chung tên Huỳnh Thị Niềla C, sinh ngày 22/10/2013 cho ông Huỳnh Đà R trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Huỳnh Thị Niềla C đủ 18 (mười tám) tuổi

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Châu Thị S không yêu cầu ông Huỳnh Đà R cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh N, sinh ngày 02/11/2007; ông Huỳnh Đà R không yêu cầu bà Châu Thị S cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Thị Niềla C, sinh ngày 22/10/2013 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.3 Sau khi ly hôn, bà Châu Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Huỳnh Thị Niềla C, sinh ngày 22/10/2013; ông Huỳnh Đà R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Huỳnh N, sinh ngày 02/11/2007. Bà Châu Thị S và ông Huỳnh Đà R cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Bà Châu Thị S và ông Huỳnh Đà R không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Châu Thị S tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Châu Thị S tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Châu Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 6, Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002186 ngày 19 tháng 6 năm 2025, bà Châu Thị S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 6-Cần Thơ;
- Phòng THAKV6, THADS TPCT;
- Các đương sự;
- UBND Phương Phú Lợi, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng